

Số: 56 /BC-UBND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên; Công văn số 638/BTC-TTr ngày 16/01/2024 của Bộ Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm 2023; Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (viết tắt là THPTK, CLP); các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh đều triển khai thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp với điều kiện cụ thể của ngành, địa phương. Từng đơn vị đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể tuyên truyền trong các cuộc họp cơ quan nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự

chuyển biến tích cực về tư tưởng, hành động trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thường xuyên tuyên truyền, quán triệt các Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Trung ương đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, trọng tâm là Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên; Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bên cạnh đó, các chi, đảng bộ cơ sở triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, trong đó có nội dung chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Qua đó đã thực hiện tốt việc tiết kiệm, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 31/12/2022; Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 27/02/2023; Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2023.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và triển khai thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các văn bản hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh, các địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; tổng hợp, báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo. Hàng năm, đồng thời với việc gửi báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của năm, dự thảo chương trình, kế hoạch cụ thể của năm sau để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành và triển khai thực hiện.

- Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 19/01/2023 về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023.

- Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Căn cứ Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí này, các đơn vị, địa phương đã thực hiện xây dựng Chương trình, kế hoạch cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 tại đơn vị mình và tổ chức triển khai thực hiện.

b) Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội

- Ngày 15/11/2022, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 74/2022/QH15 về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo các nội dung tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội. Trên cơ sở đó, Sở Tài chính có Công văn số 568/STC-VP ngày 07/3/2023 về việc triển khai Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội và Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang để làm cơ sở xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

- Thực hiện Quyết định số 1478/QĐ-TTg ngày 28/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát

triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 398/KH-UBND ngày 22/12/2022 về tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang triển khai đến các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện.

3. Tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương triệt để THTK,CLP

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 08/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về ngân sách nhà nước; Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước. Ngày 28/8/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 15/CT-UBND về việc chấn chỉnh tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Trong đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị và cấp dưới trực thuộc thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước, đầu tư công, tài sản công, quản lý giá và thẩm định giá; tăng cường công tác quyết toán, kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, giám sát, công khai, minh bạch; thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị, kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, thanh tra.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan Thanh tra lập kế hoạch thanh tra các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Trên cơ sở kế hoạch thanh tra đã được lập, đồng thời để giải quyết các vấn đề nổi cộm phát sinh, các cơ quan thanh tra đã tiến hành tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham nhũng, lãng phí, bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các cấp đã thực hiện công khai theo đúng quy định của pháp luật như công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính; công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; công khai mua sắm, sử dụng trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 74/2022/QH15 NGÀY 15/11/2022 CỦA QUỐC HỘI

1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể trong các lĩnh vực

1.1. Tình hình ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn có liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quản lý tài chính - ngân sách năm 2023, trên cơ sở Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2023, Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về phân bổ ngân sách địa phương năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các huyện, thành phố, thị xã, Quyết định số 3475/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh để làm cơ sở điều hành ngân sách. Đầu năm 2023, trên cơ sở dự toán được giao, các sở, ngành và địa phương đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để tổ chức thực hiện trong năm, thực hiện chi tiêu tiết kiệm trong phạm vi dự toán được giao.

- Căn cứ dự toán ngân sách được giao năm 2023, các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương.

- Thực hiện phân bổ và giao dự toán chi các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 ngay từ đầu năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí hiện hành.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn có liên quan trong việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp; quản lý chặt chẽ các khoản chi tiêu ngân sách nhà nước đảm bảo trong phạm vi dự toán được duyệt.

- Về quản lý tài chính hành chính, sự nghiệp:

Trong năm 2023, Tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm cơ chế quản lý tài chính theo chế độ quy định về khoán biên chế, chế độ tự chủ tài chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ, tiếp tục giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Ngoài ra, đối với đơn vị sự nghiệp công lập, căn cứ điểm c khoản 4 Điều 14, Điều 16 Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính

hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước năm 03 năm 2023-2025, dự toán chi hoạt động năm 2023 nguồn ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó:

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên cấp tỉnh giảm 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với dự toán năm 2022.

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên cấp tỉnh giảm 2% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với dự toán năm 2022, trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước đảm bảo.

+ Trong lĩnh vực quản lý tài sản công: thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; để thực hiện tốt hơn việc tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực này, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp tại các đơn vị quản lý của tỉnh Tiền Giang.

+ Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại là xe ô tô: thực hiện Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. Trên cơ sở quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/02/2021 ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 về bổ sung, điều chỉnh chủng loại, tiêu chuẩn, định

mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

+ Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô, hiện nay, địa phương đang rà soát, xử lý xe ô tô dôi dư và xây dựng tiêu chuẩn định mức, xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đúng theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ. Trong mua sắm, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức thực hiện theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Các phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan đều được quản lý và sử dụng đúng mục đích theo Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

1.2. Kết quả việc rà soát, xử lý các công văn, quyết định đã ban hành không đúng thẩm quyền liên quan đến việc miễn, giảm, giãn, hoàn thuế; các biện pháp và kết quả việc chống chuyển giá trong các doanh nghiệp FDI

- Cục Thuế tỉnh Tiền Giang đã cụ thể hóa các Luật của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, chủ trương của Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính bằng những Chương trình, Kế hoạch cụ thể của ngành để tổ chức thực hiện kịp thời, sát với tình hình thực tế của địa phương và đơn vị.

- Thực hiện theo quy định tại Điều 113 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Cục Thuế đã rà soát, xử lý các công văn, quyết định đã ban hành không đúng thẩm quyền liên quan đến việc miễn, giảm, giãn, hoàn thuế và qua đó chưa có nội dung cần kiến nghị xử lý, sửa đổi.

1.3. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, lập, thẩm định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 và các năm sau. Kiểm soát chặt chẽ công tác lập, phân bổ, quản lý, sử dụng chi ngân sách nhà nước, đặc biệt là chi đầu tư, sự nghiệp y tế, sự nghiệp khoa học công nghệ, tài nguyên, môi trường, công nghệ thông tin bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Nghiên cứu, đổi mới việc phân bổ chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước theo kết quả đầu ra và phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước 3-5 năm theo hình thức cuốn chiếu theo thông lệ quốc tế khi sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công

a) Về xây dựng, hoàn thiện chính sách

- Đẩy mạnh phân cấp, khuyến khích các địa phương huy động các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, tạo sự chủ động và tự chịu trách nhiệm trong việc quyết định, sử dụng ngân sách. Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách đối với các cơ quan, đơn vị.

- Chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan đảm bảo tuân thủ pháp luật, kịp thời tổng hợp, tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các đơn vị và địa phương, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật trong thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; đầu thầu theo quy định.

- Hạn chế tối đa việc đề xuất, ban hành chính sách đặc thù mới làm tăng chi ngân sách địa phương, chỉ đề xuất ban hành khi thực sự cần thiết và có nguồn tài chính đảm bảo, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Rà soát, trình cấp có thẩm quyền ban hành đầy đủ các quy định, hướng dẫn triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương.

Để thực hiện nội dung này, Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang đã ban hành Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2022 - 2025; Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Tiền Giang năm 2022.

b) Trong quản lý thu ngân sách nhà nước

- Trong lập dự toán thu ngân sách nhà nước theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phí và lệ phí, đảm bảo tính tích cực, vững chắc và bao quát hết các nguồn thu, có tính đến các khoản thu đột biến, đặc thù; phù hợp với khả năng tăng trưởng kinh tế tại địa phương và tháo gỡ khó khăn, khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; nâng cao chất lượng công tác phân tích, dự báo, xây dựng dự toán thu, nhất là các khoản thu tiền sử dụng đất, thu tiền cho thuê đất; khắc phục tình trạng dự báo, xây dựng dự toán thu ngân sách chưa sát với thực tế trong thời gian qua.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế tăng cường quản lý thu, chống thất thu, nhất là trong các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, chuyển nhượng bất động sản; chống buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế; kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế giá trị gia tăng, không để việc hoàn thuế chậm trễ, kéo dài.

- Thường xuyên rà soát, kiểm tra, giám sát, đôn đốc doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu về ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

- Tổ chức thu đầy đủ, kịp thời các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra, cơ quan bảo vệ pháp luật và các khoản thu phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Tập trung rà soát để điều chỉnh tỷ lệ tiền phí được để lại cho tổ chức thu phù hợp, đảm bảo quản lý, sử dụng tiền phí đúng quy định và tăng số nộp ngân sách nhà nước.

c) Về quản lý chi ngân sách nhà nước

- Trong lập, quyết định dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, bám sát mục tiêu, định hướng, yêu cầu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của địa phương, Kế hoạch tài chính 05 năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; trên cơ sở các chính sách, chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quyết định của cấp có thẩm quyền đối với năm dự toán và theo đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị được giao; bố trí chi ngân sách nhà nước trong phạm vi khả năng nguồn lực; bố trí chi cho các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải đúng thẩm quyền, xác định rõ tính chất nguồn vốn và trong phạm vi tổng số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; đảm bảo cân đối ngân sách hàng năm và trong trung hạn.

- Lập kế hoạch đầu tư công hằng năm theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Đầu tư công. Thực hiện nghiêm việc phân bổ, giao chi tiết kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp dưới trước ngày 31/12 năm kế hoạch, theo đúng nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách địa phương hằng năm; đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng, cấp bách và chủ động bố trí kinh phí để hoàn trả kinh phí đã ứng trước, xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án. Quyết liệt triển khai các giải pháp theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các cấp nhằm thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu giải ngân hết kế hoạch vốn hằng năm đã phân bổ, hạn chế tối đa số dư dự toán bị hủy bỏ hoặc chuyển nguồn sang năm sau; thực hiện thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định, thường xuyên rà soát số dư tạm ứng, kịp thời thu hồi các khoản tạm ứng không đúng quy định, tạm ứng không có khối lượng thực hiện, tạm ứng kéo dài nhiều năm, quá thời hạn quy định.

- Thực hiện rà soát, sắp xếp, điều chỉnh các nhiệm vụ chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn được giao, triệt để tiết kiệm, hiệu quả, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; nâng cao hiệu quả sử dụng ngân

sách nhà nước. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15/11 năm hiện hành.

- Kiểm soát chi ngân sách chặt chẽ, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Thực hiện nhiệm vụ chi theo đúng nguồn kinh phí được giao; trường hợp không còn nhiệm vụ chi, phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định. Nghiêm cấm các trường hợp chi sai nguồn; mượn nguồn của các cấp ngân sách khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền; nghiêm cấm thực hiện các khoản chi ngoài dự toán, các khoản chi trái quy định của pháp luật, sử dụng ngân sách để cho vay, tạm ứng đối với những việc, nội dung sai chế độ quy định.

- Thực hiện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, chế độ, chính sách chi ngân sách trong phạm vi khả năng nguồn lực của ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp dưới. Việc sử dụng vốn, kinh phí bổ sung có mục tiêu phải theo đúng mục tiêu quy định; trường hợp sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết phải hoàn trả ngân sách cấp trên kịp thời theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Đẩy mạnh việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tiễn của từng ngành, từng đơn vị để giảm chi thường xuyên và cơ cấu lại ngân sách nhà nước. Xây dựng phương án tăng cường mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; thúc đẩy sự tham gia của các thành phần trong xã hội vào việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, đồng thời giảm áp lực lên ngân sách nhà nước.

- Thực hiện việc quản lý, sử dụng và báo cáo quyết toán, công khai tài chính đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức, hoạt động để tăng cường quản lý, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả hoạt động của các quỹ, sắp xếp lại các quỹ có nguồn thu, nhiệm vụ chi trùng lặp với ngân sách nhà nước hoặc không còn phù hợp theo Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội và Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

1.4. Kết quả rà soát, tổng hợp, phân loại và xây dựng kế hoạch, lộ trình phương án xử lý khó khăn, vướng mắc đã tồn tại nhiều năm đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA không hiệu quả, chậm tiến độ; dự án BT dở dang. Kết quả giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các dự án BOT và hợp đồng BOT.

- Qua rà soát, tỉnh Tiền Giang không có các dự án, cụm dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước khác không hiệu quả hoặc lãng phí (nêu tại Phụ lục số 1 kèm theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội); các dự án, chuỗi dự án trọng điểm trong lĩnh vực điện, than, dầu khí chậm tiến độ (nêu tại Phụ lục số 2 kèm theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội); các dự án chậm triển khai, có khó khăn vướng mắc để đất đai hoang hóa, lãng phí (nêu tại Phụ lục số 3 kèm theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội); các dự án, công trình không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng (nêu tại Phụ lục số 4 kèm theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội) và các tồn tại, hạn chế khác nêu trong Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11/10/2022 của Đoàn giám sát.

- Về kết quả giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các dự án BOT và hợp đồng BOT: trên địa bàn tỉnh có 01 dự án BOT trong lĩnh vực giao thông là dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng BOT. Sau khi xem xét các đề nghị của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và tài liệu pháp lý liên quan, căn cứ quy định pháp luật hiện hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chấp thuận các nội dung: (1) Chấp thuận về chủ trương để Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc chuyển nhượng 39% cổ phần tại Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII theo báo cáo đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư; (2) Chấp thuận về mặt chủ trương cho Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận thay đổi nhà tài trợ cấp tín dụng và thế chấp quyền thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ của dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận từ 04 tổ chức tín dụng (Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tiền Giang, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng) sang Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TPHCM theo báo cáo đề xuất của Sở Tài chính.

1.5. Kết quả đánh giá và các giải pháp cụ thể liên quan đến đẩy nhanh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; tình hình xây dựng lộ trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể giải quyết các dự án sử dụng vốn nhà nước thua lỗ tại các doanh nghiệp

- Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cơ cấu lại của 05 doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2025 thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Tiền Giang chỉ thực hiện cổ phần hóa 01 doanh nghiệp nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho; không thực

hiện thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp; thực hiện thoái vốn đầu tư ngoài ngành của Công ty TNHH Một thành viên Xô số kiến thiết Tiền Giang.

- Đối với việc cổ phần hóa: tại Quyết định số 3937/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cơ cấu lại Công ty TNHH Một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho giai đoạn 2021-2025; trong đó, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt lộ trình thực hiện cổ phần hóa Công ty là trong giai đoạn 2024-2025. Dự kiến, trong Quý I năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho trong giai đoạn 2024-2025. Trên cơ sở Kế hoạch, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án sắp xếp lại tài sản, xử lý nhà, đất của Công ty và Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty trước khi thực hiện cổ phần hóa.

- Đối với việc thoái vốn đầu tư ngoài ngành: tại Quyết định số 3938/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cơ cấu lại Công ty TNHH Một thành viên Xô số kiến thiết Tiền Giang giai đoạn 2021-2025; trong đó, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Công ty thực hiện thoái vốn đầu tư ngoài ngành tại 04 doanh nghiệp đã góp vốn trong giai đoạn 2022-2025 (gồm: Công ty Cổ phần Phát Tài trong giai đoạn 2024-2025, Quỹ MOM trong giai đoạn 2022-2023, Công ty Cổ phần Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho trong giai đoạn 2022-2023, Công ty cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm trong giai đoạn 2022-2023).

1.6. Kết quả thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

1.6.1. Về việc ban hành Kế hoạch sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành các văn bản về sắp xếp lại, xử lý nhà đất như sau:

- Công văn số 2157/UBND-TC ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

- Công văn số 2651/UBND-KT ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổng hợp báo cáo đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

- Công văn số 2652/UBND-KT ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc khẩn trương thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn cấp huyện.

- Công văn số 4917/UBND-KT ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

- Công văn số 2698/UBND-KT ngày 02/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất quốc phòng trên

địa bàn tỉnh Tiền Giang theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

- Công văn số 2713/UBND-KT ngày 05/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Tho

- Công văn số 4792/UBND-KT ngày 07/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của BIDV đang quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Công văn số 3378/UBND-KT ngày 04/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của BIDV tại địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Công văn số 5725/UBND-KT ngày 18/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất quốc phòng.

- Công văn số 6139/UBND-KT ngày 12/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất quốc phòng.

- Công văn số 7265/UBND-KT ngày 31/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc về việc giao tham mưu có ý kiến về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Công văn số 7845/UBND-KT ngày 27/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phương án sắp xếp lại cơ sở nhà, đất của Vietinbank tại địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Công văn số 7865/UBND-KT ngày 28/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc sắp xếp lại cơ sở nhà, đất của VNPT tại tỉnh Tiền Giang.

- Công văn số 7863/UBND-KT ngày 28/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc xử lý các cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích, thiếu hồ sơ pháp lý khi thực hiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

1.6.2. Về việc đôn đốc, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện

- Căn cứ theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Công văn số 2635/BTC-QLCS, ngày 06/4/2023, Sở Tài chính có Công văn số 897/STC-QLGCS gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp trong tỉnh đề nghị thực hiện báo cáo các nội dung theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Công văn số 2635/BTC-QLCS ngày 22/3/2023.

- Ngày 04/5/2023, Sở Tài chính có Công văn số 1146/STC-QLGCS gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp trong tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội (lần 2).

- Ngày 05/5/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 2157/UBND-TC về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

- Ngày 29/5/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 2562/UBND-KT gửi các đơn vị có liên quan để chỉ đạo về việc khẩn trương thực hiện công tác sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

- Ngày 04/7/2023 Sở Tài chính có Công văn số 1789/STC-QLGCS về việc tổng hợp báo cáo quý II đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính.

- Ngày 14/7/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 4917/UBND-KT về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

- Ngày 21/7/2023, Sở Tài chính có Công văn 1978/STC-QLGCS về việc triển khai chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 4917/UBND-KT ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

- Ngày 05/10/2023, Sở Tài chính có Công văn 2814/STC-QLGCS về việc tổng hợp, báo cáo và đề xuất xử lý các cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích, thiếu hồ sơ pháp lý khi thực hiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

- Ngày 28/11/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang có Công văn số 7863/UBND-KT ngày 28/11/2023 về việc chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và doanh nghiệp thực hiện xử lý các cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích, thiếu hồ sơ pháp lý khi thực hiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

1.6.3. Kết quả thực hiện phương án xử lý và kiểm tra việc thực hiện phương án xử lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

a) Kết quả thực hiện phương án xử lý

- Tổng số cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt: 2.454 cơ sở.

- Số cơ sở nhà, đất đã hoàn thành việc thực hiện phương án xử lý: 2.454 cơ sở.

b) Tình hình kiểm tra việc thực hiện phương án xử lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Số cơ sở nhà, đất được kiểm tra việc thực hiện phương án xử lý: không.

1.6.4. Kết quả xử lý các cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích, thiếu hồ sơ pháp lý

a) Đối với trường hợp bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích

- Tổng số cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích: 05 trường hợp (gồm: 02 trường hợp đất bị lấn chiếm của Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh (trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch), 01 trường hợp đất bị lấn chiếm của Trường THCS Hội Xuân (huyện Cai Lậy), 01 trường hợp đất bị lấn chiếm của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang) và 01 trường hợp bố trí nhà ở sai mục đích ở Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Mỹ Tho.

- Số cơ sở nhà, đất đã được giải quyết việc lấn chiếm, tranh chấp, sử dụng sai mục đích: 02 trường hợp (đã được giải quyết trong quý III: Trường Tiểu học Phú Cường và Trường Tiểu học Long Trung (huyện Cai Lậy)).

Ngày 28/11/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 7863/UBND-KT về chỉ đạo các đơn vị, địa phương có liên quan xử lý hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý dứt điểm các trường hợp này.

b) Đối với trường hợp thiếu hồ sơ pháp lý

- Tổng số cơ sở nhà, đất thiếu hồ sơ pháp lý: 49 cơ sở (gồm: 21 cơ sở nhà, đất ở thị xã Cai Lậy, 26 cơ sở nhà, đất ở huyện Cai Lậy và 02 cơ sở của Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh).

- Số cơ sở nhà, đất đã hoàn thiện hồ sơ pháp lý: 02 cơ sở gồm: Trường Mầm non 8/3 và Trường Mầm non Phú Quý (thị xã Cai Lậy).

Ngày 28/11/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 7863/UBND-KT chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và Ủy ban nhân dân thị xã Cai Lậy thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các trường hợp thiếu hồ sơ pháp lý trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành.

1.6.5. Kết quả sắp xếp các cơ sở nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc đối tượng sắp xếp lại theo Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 của Quốc hội

- Số cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại: có 01 trường hợp sáp nhập Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước và Thị trấn Mỹ Phước (thuộc huyện Tân Phước). Trong đó số cơ sở nhà, đất được phê duyệt điều chuyển là 25 cơ sở.

- Số cơ sở nhà, đất hoàn thành việc thực hiện phương án xử lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt: 25 cơ sở.

1.7. Kết quả công tác phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025

1.7.1. Kết quả công tác phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030

STT	Tên đơn vị hành chính	Năm triển khai	Văn bản phê duyệt	Ghi chú
1	Thành phố Mỹ Tho	2021	3746/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	Đã hoàn thành
2	Thị xã Gò Công	2021	3838/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Đã hoàn thành
3	Thị xã Cai Lậy	2021	3837/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Đã hoàn thành
4	Huyện Châu Thành	2021	3834/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Đã hoàn thành
5	Huyện Tân Phước	2021	3835/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Đã hoàn thành
6	Huyện Cai Lậy	2021	3836/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Đã hoàn thành
7	Huyện Cái Bè	2021	3839/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Đã hoàn thành
8	Huyện Chợ Gạo	2021	3735/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	Đã hoàn thành
9	Huyện Gò Công Tây	2021	3745/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	Đã hoàn thành
10	Huyện Gò Công Đông	2021	3744/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	Đã hoàn thành
11	Huyện Tân Phú Đông	2021	3833/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Đã hoàn thành

1.7.2. Kết quả công tác phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025

- Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 của tỉnh: thực hiện theo công văn số 1470/QHPTTND-PQHĐĐ ngày 19/7/2023 của Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên - Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hồ sơ thẩm định kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) cấp tỉnh. “Đối với các địa phương được Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khẩn trương hoàn thiện hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 cấp tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định theo quy định”. Do Quy hoạch tỉnh Tiền Giang chưa được phê duyệt nên việc lập hồ sơ trình thẩm định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Tiền Giang chưa thực hiện được trong năm 2023.

- Quy hoạch tích hợp tỉnh Tiền Giang từ năm 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050: hiện nay đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của cấp huyện: đã thông qua Hội đồng thẩm định Kế hoạch sử dụng đất 2024 cho 11 đơn vị cấp huyện xong. Hiện nay, đơn vị cấp huyện đang hoàn thiện trình phê duyệt theo quy định.

1.7.3. Kết quả rà soát các dự án, kiến nghị liên quan đến đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án có khó khăn, vướng mắc

a) Trong kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá

nhân có liên quan trong việc không thực hiện các kiến nghị Kiểm toán Nhà nước, đặc biệt đối với kiến nghị liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định của Nhà nước đối với các dự án: Dự án Cảng du thuyền; dự án Tổ hợp Trung tâm thương mại, dịch vụ, kết hợp nhà ở thương mại Mỹ Tho.

Đối với nội dung này, ngày 10/02/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 474/UBND-KT gửi Kiểm toán Nhà nước khu vực IX, trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện có liên quan sử dụng phần lớn diện tích mặt nước cho Dự án Cảng du thuyền (cảng neo đậu phương tiện, tàu khách, tàu du lịch, du thuyền, nhà hàng nổi, lên xuống khách tham quan, vui chơi giải trí trên sông Tiền) là phù hợp với pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, phù hợp với Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh nhận thấy việc thực hiện Dự án Tổ hợp Trung tâm thương mại, dịch vụ, kết hợp nhà ở thương mại Mỹ Tho là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, để chặt chẽ hơn nữa trong việc tham mưu, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương có liên quan trong thời gian tới rút kinh nghiệm trong quá trình tham mưu tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cho các dự án tương tự phải đảm bảo thủ tục, chức năng sử dụng đất (chỉ tiêu sử dụng đất) trước khi đưa ra công khai đấu giá theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường làm rõ và kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc chưa kịp thời chuyển thông tin liên quan vị trí, diện tích, loại đất cho cơ quan thuế để làm cơ sở xác định lại đơn giá thuê đất đối với 46 hợp đồng thuê đất đã hết thời gian ổn định đơn giá thuê.

Giải pháp khắc phục: đối với các cá nhân có liên quan trong việc chưa kịp thời chuyển thông tin liên quan vị trí, diện tích, loại đất cho cơ quan thuế để làm cơ sở xác định lại đơn giá thuê đất đối với 46 hợp đồng thuê đất đã hết thời gian ổn định đơn giá thuê. Đến thời điểm hiện nay, đã phối hợp giải quyết được 13/46 hợp đồng thuê đất, thời gian tới tiếp tục có văn bản gửi đến người sử dụng đất để giải quyết các hợp đồng thuê đất còn lại và bên cạnh đó đã kiểm điểm trách nhiệm của các cá nhân có liên quan và hiện nay có một số cán bộ đã nghỉ hưu và đồng thời Sở Tài nguyên và Môi trường nhận trách nhiệm, rút kinh nghiệm trong thời gian tới trong công tác tham mưu, giải quyết kịp thời chuyển thông tin liên quan vị trí, diện tích, loại đất cho cơ quan thuế để làm cơ sở xác định lại đơn giá thuê đất đối với hợp đồng thuê đất đã hết thời gian ổn định đơn giá thuê.

b) Trong kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 của tỉnh Tiền Giang

- Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan trong việc cho thuê 09 thửa đất không thực hiện đấu giá, đồng thời báo cáo Thủ tướng

Chính phủ xử lý, giải quyết các sai phạm theo quy định.

Giải pháp khắc phục: đối với các cá nhân có liên quan trong việc cho thuê 09 thửa đất trên không thực hiện đấu giá, hiện nay đã nghỉ hưu và Sở Tài nguyên và Môi trường nghiêm túc nhận khuyết điểm, rút kinh nghiệm trong thời gian tới để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết tốt hơn trong việc cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét theo quy định.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các nội dung: chưa kịp thời yêu cầu đơn vị lập hồ sơ đăng ký biến động, điều chỉnh thông tin trên hợp đồng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chưa kịp thời đo đạc cung cấp thông tin địa chính cho Cục Thuế; lưu trữ, quản lý hồ sơ không đảm bảo theo quy định; một số nội dung trên hợp đồng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa phù hợp với các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; chưa kiểm tra việc sử dụng hành lang an toàn đường bộ của các doanh nghiệp; chậm thực hiện các thủ tục bàn giao, thanh lý hợp đồng thuê đất khi đơn vị không còn nhu cầu sử dụng.

Giải pháp khắc phục: đối với các cá nhân có liên quan trong việc: chưa kịp thời yêu cầu đơn vị lập hồ sơ đăng ký biến động, điều chỉnh thông tin trên hợp đồng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chưa kịp thời đo đạc cung cấp thông tin địa chính cho Cục thuế; lưu trữ, quản lý hồ sơ không đảm bảo theo quy định; một số nội dung trên hợp đồng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa phù hợp với các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; chưa kiểm tra việc sử dụng hành lang an toàn đường bộ của các doanh nghiệp; chậm thực hiện các thủ tục bàn giao, thanh lý hợp đồng thuê đất khi đơn vị không còn nhu cầu sử dụng, hiện nay có một số cán bộ đã nghỉ hưu và Sở Tài nguyên và Môi trường nghiêm túc rút kinh nghiệm, trong thời gian tới phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong việc yêu cầu đơn vị lập hồ sơ đăng ký biến động, điều chỉnh thông tin trên hợp đồng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đo đạc cung cấp thông tin địa chính cho Cục thuế; lưu trữ, quản lý hồ sơ đảm bảo theo quy định; thống nhất nội dung trên hợp đồng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức kiểm tra việc sử dụng hành lang an toàn đường bộ của các doanh nghiệp; thực hiện các thủ tục bàn giao, thanh lý hợp đồng thuê đất khi đơn vị không còn nhu cầu sử dụng.

1.8. Việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong các lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1.8.1. Công tác quản lý nhà nước về đất đai

a) Thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất cho các tổ chức

Thực hiện việc thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, chuyển từ thuê sang giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các tổ chức, cơ sở tôn giáo theo quy định (không có hồ sơ thu hồi đất sử dụng không đúng mục đích), kết quả đạt được với diện tích như sau:

STT	Hạng mục	Số dự án	Diện tích (m ²)
1	Thu hồi đất tổ chức	4	14.139,70
2	Giao đất		
	- Giao đất trả tiền sử dụng đất	3	108.625,3
	- Giao đất không thu tiền sử dụng đất	12	5.468,9
3	Thuê đất có thu tiền sử dụng đất		
	- Thuê đất trả tiền thuê đất 1 lần	5	24.728,2
	- Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	3	1.244,8
4	Chuyển mục đích sử dụng đất	11	209.645,4
5	Chuyển từ giao sang thuê	2	8.775
6	Góp vốn quyền sử dụng đất	5	17.239,3
7	Xác định lại loại đất	5	52.492,6
8	Xin chủ trương nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1	2.734,3
9	Xin chủ trương thuê đất	1	233,7
10	Cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức	3	138.627,9
11	Điều chỉnh thời hạn cho thuê đất	2	1.493,6
12	Điều chỉnh Quyết định cho thuê đất	2	14.637,7
13	Gia hạn	1	273,9
Tổng cộng		60	600.086,4

b) Công tác định giá đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

- Thẩm định chính sách và giải quyết vướng mắc, khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

+ Chủ trì họp Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định phương án tỉnh: 84 công trình.

+ Chủ trì họp Hội đồng thẩm định phương án tỉnh: 47 công trình.

+ Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện: 41 công trình.

+ Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 53 công trình.

- Thẩm tra đơn giá đất bồi thường, giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất:

+ Phối hợp hợp Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh

STT	Hạng mục	Số dự án, công trình	Ghi chú
1	Giá giao đất có thu tiền sử dụng đất (Dự án trên 20 tỷ)	4	
2	Giá thu tiền sử dụng đất cho thuê (Dự án trên 20 tỷ)	6	
3	Giá đấu giá đất	10	
4	Giá bồi thường, tái định cư	43	
Tổng cộng		63	

+ Trình thông qua Hội đồng thẩm định phương án tỉnh

STT	Hạng mục	Số dự án, công trình	Ghi chú
1	Giá giao đất có thu tiền SD đất (Dự án trên 20 tỷ)	0	
2	Giá thu tiền sử dụng đất cho thuê (Dự án trên 20 tỷ)	2	
3	Giá (thực hiện đấu giá đất)	7	
4	Giá bồi thường, tái định cư	23	
Tổng cộng		32	

+ Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đơn giá

STT	Hạng mục	Số dự án, công trình	Ghi chú
1	Giá giao đất có thu tiền sử dụng đất (Dự án trên 20 tỷ)	0	
2	Giá thu tiền sử dụng đất cho thuê (Dự án trên 20 tỷ)	2	
3	Giá (thực hiện đấu giá đất)	6	
4	Giá bồi thường, tái định cư	20	
Tổng cộng		28	

- Về ủy quyền xác định, thẩm định và phê duyệt giá đất cụ thể: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 về việc ủy quyền xác định, thẩm định và phê duyệt giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

c) Công tác đo đạc lập bản đồ địa chính: thẩm định 58 công trình, dự án trên địa bàn tỉnh đã trình ký duyệt xong.

d) Công tác quản lý đất công: ngày 23/7/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 về việc thành lập Đoàn kiểm tra nhà nước về đất đai đối với các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang qua nhiều lần kiện toàn các thành viên, hiện nay là theo Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Năm 2023, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra 10 đơn vị gồm (Công ty TNHH Đào tạo nguồn nhân lực thế giới mới, Hợp tác xã Vận tải Tân Phước, Cụm phà Vàm Cống (Bến phà Mỹ Lợi), Công ty TNHH Đại Thành, Công ty cổ phần Du lịch Tiền Giang (thửa đất ấp Cầu Muống, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông), UBND xã Song Thuận (thửa đất Sân Vận động), Doanh nghiệp tư nhân Thanh Đức, Công ty TNHH Chế biến Lương thực Đạt Thành, Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Tiền Giang, Dự án khu đón tiếp đường bộ cù lao Thới Sơn). Tổng số thửa đất kiểm tra: 15 thửa đất, tổng diện tích kiểm tra: 93.248,00 m².

+ Về việc sử dụng đất công mà chưa lập hồ sơ thuê đất theo quy định: Công ty TNHH sản xuất - thương mại Thiên Phát (Công ty) có thửa đất số 3044, tờ bản đồ số 2 với chiều ngang 5m diện tích 817,9 m² được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00699 để làm lối đi cho công ty. Tuy nhiên, Công ty có sử dụng thêm một phần diện tích đất sân vận động xã Song Thuận, huyện Châu Thành với chiều ngang 5m, dài 114,5m thuộc một phần thửa 1725, tờ bản đồ số 2 để làm lối đi vào Công ty từ năm 2015 đến tháng 10/2023 thời điểm kiểm tra mà chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thuê.

+ Về việc sử dụng đất công để lấn chiếm: Cụm phà Vàm Cống (Bến phà Mỹ Lợi cũ) hiện không còn hoạt động đơn vị quản lý đất không xác định được ranh giới, mốc giới thửa đất hiện trạng có nhiều hộ dân đang sinh sống, xây dựng nhà trên khu đất mà đơn vị chưa có biện pháp ngăn chặn hay buộc các hộ dân di dời trả lại đất để quản lý theo quy định, chưa báo cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương theo Luật Đất đai năm 2013.

+ Về Công ty, doanh nghiệp ngừng hoạt động: theo kế hoạch kiểm tra của Đoàn thì có 03 đơn vị ngừng hoạt động địa phương đã liên hệ nhiều lần không được: Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Tiền Giang, địa chỉ số 1A, Đường Lê Văn Phẩm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Công ty TNHH Chế biến Lương thực Đạt Thành, địa chỉ tổ 15, ấp Tân Thuận A, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Doanh nghiệp tư nhân Thanh Đức, địa chỉ tại ấp Tây Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

* Giải pháp quản lý hiệu quả hơn trong thời gian tới: Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ đầu tư đo đạc thành lập bản đồ địa chính có tọa độ cho 3 huyện (Tân Phước,

Châu Thành, Tân Phú Đông), xây dựng hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu đất đai và thiết lập đường truyền cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn toàn tỉnh. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tập huấn công tác quản lý đất đai cho các cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý, sử dụng đất đai các cơ quan đơn vị có quản lý, sử dụng đất, cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và công chức địa chính xã; chỉ đạo các đơn vị chức năng tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất công của các cơ quan, tổ chức.

* Đánh giá: trong năm 2023, công tác quản lý đất đai đã triển khai thực hiện cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra đạt được nhiều kết quả về công tác lập quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất; thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; về quản lý “đất công”; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; đo đạc và bản đồ; về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.. đảm bảo công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh ngày càng được chặt chẽ. Tuy nhiên, trong công tác giải quyết thủ tục hành chính về đất đai vẫn còn một số hạn chế do số lượng hồ sơ đo đạc phát sinh nhiều, có tính chất phức tạp, quá trình giải quyết lĩnh vực đất đai cần phải phối hợp với các sở, ban ngành và đơn vị ngành dọc (ngành Tài nguyên và môi trường, ngành Thuế, Ủy ban nhân dân xã, Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện,...) nên dẫn đến một số hồ sơ giải quyết còn chậm, chưa kịp thời...

1.8.2. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, khoáng sản

a) Về tài nguyên nước

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật: đã triển khai rộng rãi các quy định trong lĩnh vực tài nguyên nước đến các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động tài nguyên nước như Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030... Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới năm 2023 đến các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đồng thời, tổ chức Hội nghị đối thoại với tổ chức, công dân về các quy định thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tài nguyên nước năm 2023 với hơn 80 lượt đại biểu tham dự.

- Về công tác cấp phép tài nguyên nước: Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp phép 292 giấy phép về tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất. Nâng tổng số giấy phép về tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất đến nay 1.143 giấy phép (còn hiệu lực). Trong đó: cấp 37 giấy phép thăm dò nước dưới đất, 1.000 giấy phép khai thác nước dưới đất (tương ứng 1.332 giếng), 07 giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, 38 giấy phép khai thác nước mặt, 61 giấy phép xả nước thải. Đồng thời, tổ chức thẩm định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác

tài nguyên nước đối với 80 tổ chức, cá nhân với tổng số tiền là 1.997.092.260 đồng.

- Về công tác kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm, suy thoái nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước: tiếp tục xây dựng kế hoạch và triển khai vận hành mạng lưới quan trắc nước dưới đất gồm 18 công trình quan trắc trên địa bàn tỉnh, kết quả đã ghi nhận được các thông tin thiết yếu về tài nguyên nước dưới đất để đánh giá động thái nước dưới đất trên địa bàn tỉnh. Tổ chức lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước dưới đất tại các trạm cấp nước hiện đang khai thác thuộc huyện phía Đông và huyện Tân Phước của tỉnh nhằm giám sát chỉ tiêu mặn và sắt. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với 60 công trình khai thác tài nguyên nước đã được cấp giấy phép khai thác.

- Về điều tra cơ bản tài nguyên nước: Sở Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành nhiệm vụ điều tra, đánh giá phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất tỉnh Tiền Giang, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3334/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 về việc phê duyệt danh mục và bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất tỉnh Tiền Giang; trên cơ sở đó, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất, tổ chức lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước trong vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, hiện đang tổng hợp để hoàn chỉnh Phương án trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá và xác định dòng chảy tối thiểu trên sông thuộc địa bàn tỉnh Tiền Giang”, theo kế hoạch, thời gian thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn 2022-2024. Trên cơ sở Kế hoạch số 404/KH-UBND ngày 08/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ “Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn đến năm 2025”, Sở Tài nguyên và Môi trường đang tổ chức lựa chọn nhà thầu Tư vấn xây dựng đề cương và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ “Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn đến năm 2025” theo quy định.

b) Về khoáng sản: tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; triển khai thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nay là Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ) và phối hợp Cục Thuế tỉnh thông báo cho các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2023; Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án “Quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên cát tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023-2025 và sau 2025” tại Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 07/8/2023.

- Đánh giá: công tác triển khai Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh và Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, kiểm tra và xử

lý vi phạm pháp luật trong hoạt động thăm dò, khai thác, kinh doanh, vận chuyển cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang được các sở, ngành và các địa phương tích cực triển khai thực hiện. Đồng thời, công tác thanh tra, kiểm tra về khoáng sản trên địa bàn tỉnh cũng đã được các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện quan tâm tổ chức triển khai thực hiện. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, triệt phá các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh; việc triển khai tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tài nguyên nước, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên nước. Song song đó, có được sự phối hợp của các, sở, ngành, đoàn thể, địa phương và sự hưởng ứng trong nhân dân, các giải pháp, biện pháp được quan tâm chỉ đạo thực hiện mang lại hiệu quả, chuyển biến tích cực trong công tác cấp phép về tài nguyên nước.

1.9. Tiết kiệm trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Thực hiện Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 29/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 29/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Trong năm 2023 đã đạt được những kết quả sau:

a) Đối với cấp tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở các Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

- Về rà soát, sắp xếp các cơ quan, đơn vị: tỉnh Tiền Giang thực hiện giảm 01 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh do không đảm bảo điều kiện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ (giải thể Sở Ngoại vụ); đồng thời, giảm 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Ngoại vụ (Trung tâm Dịch vụ đối ngoại); Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát, tổ chức lại Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật, Thư viện tỉnh và Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: đã tổ chức lại Ban quản lý khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười (bổ sung nhiệm vụ về khai thác du lịch sinh thái trong khu bảo tồn); Sở Giáo dục và Đào tạo đang thực hiện quy trình tổ chức lại Trường THPT Rạch Gầm - Xoài Mút (hợp nhất với Trường THCS Long Định).

b) Đối với cấp huyện

- Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho đã quyết định giải thể Đội Trật tự đô thị thành phố Mỹ Tho do loại hình đơn vị không phù hợp với các văn bản hiện hành về đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước đã quyết định sáp nhập trường Tiểu học Thạnh Hoà vào Trường Tiểu học Thạnh Tân do 02 trường có quy mô nhỏ và có vị trí gần nhau.

- Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè đã quyết định hợp nhất Trường Tiểu học An Cư và trường Trung học cơ sở Phan Văn Ba thành trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phan Văn Ba.

Trong năm 2023, kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW như sau: đã giảm 01 sở, giảm 03 đơn vị sự nghiệp công lập (tỉnh 01, huyện 02). Nhìn chung, về cơ cấu tổ chức của các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh cơ bản đã phù hợp theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

- Tình hình giao và thực hiện biên chế đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh: trong năm 2023, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng số lượng quy định, cụ thể:

+ Biên chế công chức giao là 2.004 biên chế.

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao là 24.314 người.

Nhìn chung, tỉnh luôn thực hiện nghiêm chỉnh sách tỉnh giản biên chế, chủ động tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức về chủ trương tỉnh giản biên chế; các cơ quan, đơn vị, địa phương không sử dụng vượt quá số lượng được giao (cụ thể, đến 31/12/2023, tỉnh có 1.898/2.004 công chức, 22.116/24.314 viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước).

- Về xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập: thực hiện Thông báo số 520/TB-VPCP ngày 14/12/2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng Ban chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tại Hội nghị toàn quốc triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm. Hiện tại, các cơ quan, đơn vị, địa phương đang xây dựng Đề án vị trí

việc làm theo Hướng dẫn của Bộ Nội vụ và đảm bảo hoàn thành trước ngày 31/3/2024 theo quy định.

- Về kết quả công tác thanh tra, kiểm tra cán bộ, công chức thực thi công vụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân của cơ quan hành chính nhà nước: trong năm 2023, Tổ kiểm tra công vụ và văn hóa công sở tỉnh đã tổ chức 09 đợt kiểm tra tại 44 cơ quan, đơn vị (cụ thể cấp tỉnh: 03; cấp huyện: 09; cấp xã: 32). Tổ kiểm tra đã kịp thời phát hiện các hành vi sai phạm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, trong việc chấp hành văn hóa công sở, chấp hành giờ giấc, trang phục, giao tiếp ứng xử và trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Sau kiểm tra đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với cá nhân, tổ chức vi phạm, có biện pháp khắc phục các sai phạm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân của cơ quan hành chính nhà nước.

1.10. Tiết kiệm trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN) là 363.573,45 triệu đồng (tiết kiệm so với dự toán, kế hoạch được duyệt và tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành), đạt 106,99% so kế hoạch năm 2023 và bằng 113,77 % so năm 2022. Bao gồm:

- Tiết kiệm trong dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ là 184.414 triệu đồng.

- Tiết kiệm trong sử dụng và thanh quyết toán NSNN (kinh phí hoạt động thường xuyên như: điện, nước, xăng dầu, văn phòng phẩm, công tác phí, hội nghị, thông tin liên lạc; trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại; tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức) là 179.159,45 triệu đồng, đạt 115,29% so kế hoạch năm 2023 và bằng 117,60% so năm 2022.

1.11. Tiết kiệm trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng là 910.496,80 triệu đồng, đạt 87,91% so kế hoạch năm 2023, bằng 429,01% so năm 2022.

1.12. Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp (tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh, chi phí quản lý đầu tư xây dựng) là 8.962,5 triệu đồng, đạt 165,82% so kế hoạch năm 2023 và bằng 66,05% so kết quả năm 2022.

1.13. Tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng của cá nhân và trong Nhân dân

Trong năm qua, tình hình giá cả vật tư, hàng hóa luôn biến động, giá bán sản phẩm ngành chăn nuôi, trồng trọt luôn biến động bất thường nên làm cho đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn do thu nhập thấp; dẫn đến xu hướng chung nhân dân phải chi tiêu tiết kiệm để có tích lũy. Qua vận động của các hội đoàn thể, ý thức tiết kiệm của Nhân dân từng bước được nâng lên, nhất là trong

việc tổ chức cưới hỏi, ma chay và các lễ hội ở địa phương đã tránh phô trương hình thức.

1.14. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác quản lý, sử dụng điện

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo. Ngày 09/7/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 262/KH-UBND về thực hiện tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, đồng thời triển khai kế hoạch này đến các các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã để làm cơ sở thực hiện.

- Về tiết kiệm điện: toàn tỉnh Tiền Giang thực hiện tiết kiệm điện được 80,44 triệu kWh (tương đương tiết kiệm khoảng 2,1% điện thương phẩm), đạt tỷ lệ 104,4% so với kế hoạch (77,02 triệu kWh), giảm phát thải khí nhà kính 64.680 tấn CO₂.

- Tỷ lệ tổn thất điện năng trên lưới điện phân phối: toàn tỉnh cuối năm 2023 còn khoảng 4,74% (thấp hơn 0,03% so với thực hiện 2022 là 4,77%).

Về phát triển nguồn năng lượng điện gió: Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 (công suất 100MW ở xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông) và Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2 (công suất 50MW, ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông) đưa vào vận hành, sản lượng phát khoảng 283,23 triệu kWh (ước đến cuối năm 2023), góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính khoảng 227.744 tấn CO₂.

Về phát triển điện mặt trời mái nhà: có 1.746 tổ chức, hộ gia đình lắp đặt điện mặt trời mái nhà, với tổng công suất lắp đặt là 64.209,28 kWp, tổng sản lượng điện mặt trời phát lên lưới điện quốc gia bán cho ngành điện là 62,2 triệu kWh (ước đến cuối năm 2023), góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính khoảng 50.014 tấn CO₂.

(Đính kèm Phụ lục số 02 - Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023)

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm, hành vi gây lãng phí trên địa bàn tỉnh Tiền Giang trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội

Trong năm, ngành Thanh tra trên địa bàn tỉnh không thực hiện cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên đề về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nên không kết luận về hành vi lãng phí. Tuy nhiên, qua thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật có phát hiện một số hành vi chỉ vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ liên quan đến THPT, CLP như sau:

- Quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng: thực hiện 06 cuộc thanh tra theo kế hoạch; đã ban hành 05 kết luận thanh tra đối với 05 đơn vị. Qua thanh tra, phát hiện vi phạm với số tiền 2.426,14 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 1.603,98

triệu đồng, xử lý khác với số tiền 822,16 triệu đồng, kiến nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm 20 cá nhân.

- Quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách: thực hiện 37 cuộc thanh tra theo kế hoạch (trong đó, có 01 cuộc theo kế hoạch năm 2022 chuyển sang); đã ban hành 36 kết luận thanh tra đối với 70 đơn vị. Qua thanh tra, phát hiện vi phạm với số tiền 17.048,77 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 7.516,45 triệu đồng, kiến nghị xử lý khác 9.532,32 triệu đồng, kiến nghị có hình thức xử lý kỷ luật 12 cá nhân, kiểm điểm rút kinh nghiệm 114 cá nhân, chuyển Cơ quan điều tra 02 vụ, 02 đối tượng.

- Quản lý và sử dụng đất đai: thực hiện 06 cuộc thanh tra, trong đó có 02 cuộc theo kế hoạch, 04 cuộc đột xuất; đã ban hành 03 kết luận thanh tra đối với 03 đơn vị. Qua thanh tra, phát hiện vi phạm với số tiền 4.474,79 triệu đồng và 2.466m² đất, kiến nghị thu hồi 3.464,69 triệu đồng và 2.466m² đất, kiến nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm 60 cá nhân, chuyển Cơ quan điều tra 02 vụ, 19 đối tượng.

- Lĩnh vực khác: thực hiện 16 cuộc thanh tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực khác; đã ban hành 14 kết luận thanh tra đối với 19 đơn vị. Qua thanh tra, phát hiện vi phạm với số tiền 2.263,97 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 1.131,97 triệu đồng, kiến nghị xử lý khác 1.132 triệu đồng, kiến nghị có hình thức xử lý kỷ luật 07 cá nhân, kiểm điểm rút kinh nghiệm 60 cá nhân, chuyển điều tra 01 vụ, 04 đối tượng.

3. Phân tích, đánh giá

a) Đánh giá kết quả đạt được

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã trở thành việc làm thường xuyên, cụ thể của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức; luôn gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) và Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Số tiền tiết kiệm trong việc sử dụng lao động, kinh phí quản lý hành chính góp phần tăng thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động. Các vi phạm gây lãng phí đều được xử lý nghiêm.

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Trong năm 2023, mặc dù công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện có hiệu quả, nhưng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

*** Quản lý, sử dụng đất**

- Một số đơn vị cho thuê, cho mượn đất, quản lý đất công để lấn chiếm, tổ chức sử dụng đất có xây dựng công trình thêm trên phần đất bãi bồi mà chưa lập hồ sơ thuê đất theo quy định (các Công ty, doanh nghiệp đã xây dựng cầu bê tông, băng chuyên, nhà thủy tạ... để lên xuống hàng hoá phục vụ cho sản xuất),

một số Công ty, doanh nghiệp ngừng hoạt động, hết thời gian thuê đất nhưng chưa xin gia hạn thuê đất...

- Trong năm 2023, qua thanh tra phát hiện 04 trường hợp vi phạm pháp luật về sử dụng đất, số tiền xử lý vi phạm thu được là 986.232.558 đồng. Cụ thể: sử dụng đất không đúng mục đích; lấn, chiếm đất; không đăng ký đất đai; chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư; cho thuê lại đất không đủ điều kiện theo quy định...

- Ban hành 04 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 04 tổ chức với tổng số tiền là 986.232.558 đồng (bao gồm: mức tiền phạt chính là 892.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là 94.232.558 đồng).

* Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản

- Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên: trong năm thực hiện thanh tra, kiểm tra 56 vụ.

- Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm: 556.747.763 đồng. Cụ thể:

+ Lĩnh vực khoáng sản: tiến hành 40 cuộc qua kiểm tra chưa phát hiện vi phạm.

+ Lĩnh vực tài nguyên nước: phát hiện 07 tổ chức, cá nhân vi phạm với số tiền xử phạt thu được là 556.747.763 đồng.

Bên cạnh đó, hàng năm đều có các đợt kiểm tra liên ngành trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản... nhằm kịp thời nắm bắt tình hình thực tế để có biện pháp quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Một số đơn vị, địa phương chưa thực hiện báo cáo đầy đủ và kịp thời theo yêu cầu về nội dung và thời gian, số liệu báo cáo chưa nhất quán theo kỳ báo cáo, hoặc chỉ gửi báo cáo về số liệu nhưng chưa phân tích đánh giá tình hình thực hiện tiết kiệm... Từ đó, làm cho công tác tổng hợp đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn tỉnh gặp khó khăn, số liệu cập nhật chưa đảm bảo tính chính xác cao.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong nhân dân được thực hiện bằng công tác tuyên truyền giáo dục tại cộng đồng nên việc đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chỉ tập trung vào ý thức tiết kiệm trong Nhân dân, không thể thống kê được số lượng cụ thể.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LĂNG PHÍ TRONG CHI THUƯỜNG XUYỀN

Trong năm 2023, ngân sách địa phương ngoài việc thực hiện dự toán chi đã giao đầu năm 2023 theo Quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, còn phát sinh khoản chi ngoài dự toán như: nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang.

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương năm 2023 (đến ngày 04/02/2024) là 15.907,639 tỷ đồng, đạt 112,74% dự toán năm. Trong đó, chi thường xuyên là 8.485,135 tỷ đồng, đạt 100,88% dự toán năm, cụ thể:

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề đạt 91,60% so dự toán năm, nguyên nhân không đạt dự toán do một số khoản chi mua sắm phải thực hiện công tác đấu thầu chưa thanh toán kịp trong năm...

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình đạt 122,47% so dự toán năm. Nguyên nhân đạt cao do thực hiện chính sách mua thẻ bảo hiểm y tế (bổ sung đối tượng theo Nghị định số 75/2023/NĐ-CP); chi tăng lương cơ sở...

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ đạt 87,15% dự toán năm. Nguyên nhân không đạt dự toán do một số đề tài dự án trong năm đang triển khai thực hiện nên chuyển sang năm 2024 tiếp tục thực hiện.

- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin đạt 115,20% dự toán năm. Nguyên nhân đạt cao do chi tăng lương cơ sở.

- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình đạt 115,17% dự toán năm. Nguyên nhân tăng do bố trí kinh phí thuê đường truyền cho Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao đạt 92,93% dự toán năm. Nguyên nhân đạt thấp một số nội dung chi không thực hiện trong năm như tổ chức giải bóng đá U21 cấp tỉnh...

- Chi các hoạt động kinh tế, bảo vệ môi trường đạt 120,42% dự toán năm. Nguyên nhân tăng do tăng chi phòng chống khắc phục thiên tai, hạn hán xâm nhập mặn, sạt lở năm 2023; chi hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn Châu Phi, chi tăng lương cơ sở...

- Chi đảm bảo xã hội đạt 106,05% so dự toán năm. Nguyên nhân tăng do bố trí kinh phí xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công; chi tăng lương cơ sở...

- Chi Quản lý hành chính đạt 110,38% dự toán năm. Nguyên nhân tăng do phát sinh các khoản chi trả trợ cấp thôi việc, tăng lương cơ sở...

- Chi Quốc phòng đạt 111,15% dự toán năm. Nguyên nhân tăng do bố trí kinh phí phục vụ nhiệm vụ dân quân tự vệ.

- Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội đạt 121,41% dự toán năm.

(Đính kèm Phụ lục số 06 - Bảng tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2023)

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG NĂM TIẾP THEO

1. Phương hướng, nhiệm vụ

- Tổ chức triển khai Chương trình hành động giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, theo dõi lĩnh vực nào có chuyển biến tích cực sẽ được tiếp tục phát huy, ngược lại, lĩnh vực nào chưa có chuyển biến tốt, còn lãng phí... sẽ tiếp tục quản lý chặt chẽ hơn nữa nhằm thực hiện đúng chủ trương và chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tiếp tục rà soát, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung ban hành mới các định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong các lĩnh vực, nhất là chi tiêu ngân sách, tài sản công để đáp ứng yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quá trình thực hiện và kiến nghị điều chỉnh kịp thời.

- Tăng cường vai trò trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng ngân sách đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ, có hiệu quả và tiết kiệm. Tổ chức công khai trong việc sử dụng ngân sách, mua sắm, sử dụng tài sản công theo quy định. Tuân thủ nghiêm túc các quy định về tài chính của nhà nước ban hành.

- Không ngừng tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, phát huy vai trò và thực hiện tốt sự phối hợp của các tổ chức đoàn thể trong việc vận động, nhắc nhở tập thể, công đoàn viên, đoàn viên tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cùng với việc phát huy tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Thủ trưởng các đơn vị nêu cao tinh thần trách nhiệm là người trực tiếp chỉ đạo thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí một cách thường xuyên, làm cho nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về vai trò, tầm quan trọng của công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày càng được nâng lên.

- Tăng cường thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, nâng cao vai trò giám sát của Ban Thanh tra nhân dân tại đơn vị.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền, quán triệt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho cán bộ, công chức theo tinh thần Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và địa phương.

- Tiếp tục triển khai, tuyên truyền, quán triệt đến các đơn vị, cá nhân về Luật số 36/2018/QH ngày 20/11/2018 về phòng, chống tham nhũng (có hiệu lực từ ngày 01/7/2019).

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tiếp tục phân phối, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả, đúng mục đích, tiết kiệm, tránh phô trương hình thức, lãng phí không cần thiết.

- Đẩy mạnh thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; gắn công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Các giải pháp

- Thực hiện công khai, minh bạch đối với việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; công quỹ, tài sản công, quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển; khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực khác.

- Tăng cường các hoạt động giám sát thi công công trình theo quy định của pháp luật, đồng thời phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp triển khai việc giám sát cộng đồng đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia... thực hiện trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về đất đai, tài nguyên thiên nhiên cho các tổ chức, cá nhân, nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về đất đai, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương.

- Tiếp tục thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm ngăn chặn và giảm thiểu việc lãng phí trong quản lý đất đai ở các lĩnh vực như: công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất... Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường phòng chống tiêu cực, lãng phí, tham nhũng trong quản lý và sử dụng đất; giải phóng tối đa nguồn lực đất đai và khai thác, phát huy cao nhất nguồn lực đất đai để góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm công bằng và ổn định xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện đối với tất cả các lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát trên các lĩnh vực như: quản lý và sử dụng ngân sách, quản lý đất đai, quản lý tài nguyên nước, khai thác khoáng sản... mua sắm và sử dụng tài sản cơ quan, kiểm tra công vụ đối với công chức, viên chức và người lao động. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính gắn với nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện báo cáo; đảm bảo tính kịp thời, chính xác, nhất quán trong nội dung và số liệu báo cáo để phục vụ cho việc chỉ đạo quản lý, điều hành công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang./. *Minh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP: LĐVP,
- Các phòng nghiên cứu,
- Phòng HCTCQT, KT (Tâm, Luân);
- Lưu: VT, (Tú).

1/1

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kết quả năm 2023	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2022 (%)	So sánh với kế hoạch năm 2023(%)	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	167	155	164	98,20	105,81	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	8	2	5	63	250,00	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	47	50,00	65	138,30	130,00	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	52		58	111,54		
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	24.600		13.717	55,76		
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)	triệu đồng	319.567,69	339.813,85	363.573,45	113,77	106,99	
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	triệu đồng	167.216	184.414	184.414	110,28	100	



1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng								
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	167.216	184.414	184.414	110,28	100			
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng								
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng								
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN	triệu đồng	152.351,69	155.399,85	179.159,45	117,60	115,29			
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	66.028,63	76.785,99	83.134,57	125,91	108,27			
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>9.943,79</i>	<i>9.571,94</i>	<i>17.368,74</i>	<i>174,67</i>	<i>181,45</i>			
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>5.575,20</i>	<i>5.463,15</i>	<i>5.413,66</i>	<i>97,10</i>	<i>99,09</i>			
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>6.885,26</i>	<i>11.771,14</i>	<i>11.077,48</i>	<i>161</i>	<i>94,11</i>			Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>2.706,18</i>	<i>3.130,00</i>	<i>3.449,37</i>	<i>127,46</i>	<i>110,20</i>			
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>4.157,75</i>	<i>4.575,47</i>	<i>5.018,53</i>	<i>120,70</i>	<i>109,68</i>			
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>7.342,21</i>	<i>8.572,76</i>	<i>8.722,46</i>	<i>118,80</i>	<i>101,75</i>			
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>3.996,91</i>	<i>4.804,04</i>	<i>4.601,40</i>	<i>115,12</i>	<i>95,78</i>			
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>6.043,01</i>	<i>5.858,93</i>	<i>6.000,38</i>	<i>99,29</i>	<i>102,41</i>			
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>19.378,32</i>	<i>23.038,56</i>	<i>21.482,55</i>	<i>111</i>	<i>93,25</i>			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng	10.445,28	1.710,11	3.015,17	28,87	176,31			

a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	354,66	956,37	412,71	116,37	43,15
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	10.445,28	1.710,11	3.015,17	28,87	176,31
	<i>Thâm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>32,00</i>	<i>1.216</i>	<i>1.216</i>		<i>100</i>
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>5.455,00</i>	<i>0</i>	<i>0</i>		
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>34,40</i>	<i>45</i>	<i>76,00</i>	<i>220,93</i>	<i>168,89</i>
	<i>Các nội dung khác</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>4.923,88</i>	<i>449,11</i>	<i>1.723,17</i>	<i>35,00</i>	<i>383,69</i>
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	61.552,68	54.692,75	72.831,71	118,32	133,17
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng					
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	12,20	4	4		100,00
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	14.103	21.979	19.931	141,33	90,68
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	210,00	228	243	115,71	107
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ	triệu đồng					
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	989		633	64,00	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị					
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng					
4	Các nội dung khác	triệu đồng					
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước	triệu đồng					
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)						
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	343		377		

1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	1			5		
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	11			14		
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc	333			368		
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác	triệu đồng						
IV	Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng	triệu đồng	212.234	1.035.747,56		910.496,80	429,01	87,91
1	Trong đầu tư xây dựng	triệu đồng	212.234	1.035.747,56		910.496,80	429,01	87,91
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	212.234	1.035.747,56		910.496,80	429,01	87,91
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	4.347	4.046,83		2.862,11	65,84	70,72
	- <i>Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	100.309	231.702		228.973,86	228,27	99
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng	3	1.573		1.572,73	55.573,50	100
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	107.575	798.426,50		677.088,10	629,41	84,80
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						

1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	3.039.397,50			3.046.308,26		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	7.327,44					
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	416,68					
2.4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2	3.046.308,26			3.046.308,26		
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	10.983,42			10.983,42		
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2				161,58		
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m2	10.983,42			11.145,00		
3.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	600					
3.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							

1	Quản lý, sử dụng đất									
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2								
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2								
1.3	Diện tích đất cho thuê trái pháp luật	m2								
1.4	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	223,00			986,232				
1.5	Các nội dung khác									
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác									
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	59			56				
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	1.827,00			556,747				
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được									
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án								
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng								
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng								
4	Các nội dung khác	triệu đồng								
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước									
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ								
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng								
3	Các nội dung khác	triệu đồng								
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp		13.569,78	5.405,00	8.962,50	66,05	165,82			

1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh	triệu đồng	12.033,50	5.405,00	8.962,50	74,48	165,82
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	1.106	268	1.704	154	635,63
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	375	169	271	72	160,36
	Tiết kiệm điện	Kw/h	58.086	10.833	31.433	54	290
	Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	5.070	4.391	6.227	123	142
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	10.553	4.968,00	6.988	66,22	140,66
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng					
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng					
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng					
2	Quản lý đầu tư xây dựng	triệu đồng	1.536,28	0,00	0,00	0	
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án					
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án					
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng	1.536,28	0,00	0,00	0	
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng					
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng					
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	1.536,28	0,00	0,00	0,00	
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng					
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn						
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án					
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng					
2.5	Các nội dung khác	triệu đồng					
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN						

	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng							
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng							
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng							
4	Mua sắm phương tiện								
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con								
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	14				9		
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc							
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng							
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	5				0		
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng							
	Số lượng xe cuối kỳ	chiếc	9				9		
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc							
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng							
5	Nợ phải thu khó đòi								
	Số đầu kỳ	triệu đồng	1.279,04	1.659,59	1.659,59	1.659,59	1.659,59	129,75	100
	Số cuối kỳ	triệu đồng	1.659,59	1.659,59	1.659,59	1.659,59	2.947,02	177,58	177,58
6	Vốn chủ sở hữu								
	Số đầu năm	triệu đồng	1.569.963,50	1.544.739,10	1.544.739,10	1.544.739,10	1.574.071,10	100,26	102
	Số cuối kỳ	triệu đồng	1.574.071,10	1.260.718,10	1.260.718,10	1.260.718,10	1.503.540,30	95,52	119
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân								
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THPT, CLP	Lượt hộ	17.460				48.802		
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ							
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP								
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	53						

2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc	52						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/ tổ chức/đơn vị	122						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/ tổ chức/đơn vị							
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	76.300						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng							

